

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức nộp tiền đất chuyên trồng lúa khi chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 189/TTr-STC ngày 25 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định mức nộp tiền đất chuyên trồng lúa khi chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng) theo quy định tại điểm 6, mục I, phần III, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người sử dụng đất được Nhà nước cho phép chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa sang mục đích đất phi nông nghiệp.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức nộp tiền

Mức nộp tiền được xác định bằng 60% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp x (nhân) với giá đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành tại thời điểm quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định bản kê khai, rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; tổ chức kiểm tra phương án sử dụng tầng đất mặt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa, chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế cùng cấp để xác định số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng đất).

2. Kho bạc Nhà nước khu vực VIII

a) Thực hiện thu khoản tiền (bao gồm cả tiền chậm nộp) của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và quản lý các khoản thu ngân sách Nhà nước qua Kho bạc. Hạch toán đầy đủ, kịp thời vào ngân sách Nhà nước và điều tiết 100% cho ngân sách cấp tỉnh.

b) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp phải nộp theo quy định.

3. Cơ quan thuế

a) Xác định và thông báo số tiền phải nộp, số tiền chậm nộp (nếu có) khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa sang mục đích đất phi nông nghiệp theo phiếu chuyển thông tin của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cùng cấp.

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực VIII để theo dõi, quản lý số tiền thu được theo quy định; trường hợp chưa nộp đủ thì thực hiện đôn đốc và báo cáo tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp có biện pháp giải quyết kịp thời đối với các thông báo số tiền phải nộp đã ban hành tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thẩm định bản kê khai, rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; tổ chức kiểm tra phương án sử dụng tầng đất mặt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng

lúa, chuyển thông tin địa chính thửa đất sang cơ quan thuế cùng cấp xác định số tiền phải nộp khi chuyển đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp: Nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo của cơ quan thuế.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ: Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh PT;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- Cổng TT-ĐT Chính phủ;
- Trung tâm TT - CB tỉnh PT;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, KT6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn